

UBND HUYỆN CƯ JÚT
TRƯỜNG THCS CAO BÁ QUÁT

KẾT QUẢ
KỲ THI PHÁT HIỆN HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2024 – 2025

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	MÔN THI	PHÂN MÔN	ĐIỂM	XẾP THỨ THEO MÔN	ĐẠT DANH HIỆU
01	Văn Nhã Uyên	6a1	toán		12.00	1	HỌC SINH GIỎI MÔN TOÁN
02	Trần Diệu An	6a1	Toán		11.50	2	HỌC SINH GIỎI MÔN TOÁN
03	Nguyễn Thị Ngọc Diệp [00B]	6a4	Toán		11.50	2	HỌC SINH GIỎI MÔN TOÁN
04	Nguyễn Nông Ngọc Diễm	6a5	Toán		11.25	4	HỌC SINH GIỎI MÔN TOÁN
05	Nguyễn Lộc Quỳnh Anh	6a1	Toán		11.00	5	HỌC SINH GIỎI MÔN TOÁN
06	Vũ Phạm Anh Thư	6a1	Toán		11.00	5	HỌC SINH GIỎI MÔN TOÁN
07	Nguyễn Thị Huyền Trang	6a1	Toán		11.00	5	HỌC SINH GIỎI MÔN TOÁN
08	Triệu Thị Thanh Loan	6a4	Toán		11.00	5	HỌC SINH GIỎI MÔN TOÁN
09	Trần Võ Đức Huy	6a1	Toán		10.75	9	HỌC SINH GIỎI MÔN TOÁN
10	Vũ Trọng Tấn	6a1	Toán		10.00	10	HỌC SINH GIỎI MÔN TOÁN
11	Nguyễn Phạm Trà My	6a1	Toán		9.50	11	
12	Hoàng Thị Mỹ Duyên	6a5	Toán		8.00	12	
13	Phạm Đăng Khoa	6a2	Toán		5.75	13	
14	Bàng Thị Yến Nhi	6A3	Toán		5.00	14	
15	Hoàng Gia Bảo	7a1	Toán		14.25	1	HỌC SINH GIỎI MÔN TOÁN
16	Phạm Bình Minh	7a1	Toán		11.25	2	HỌC SINH GIỎI MÔN TOÁN
17	Phạm Tiến Dũng	7a1	Toán		11.00	3	HỌC SINH GIỎI MÔN TOÁN
18	Hoàng Đình Gia Huy	7a1	Toán		10.25	4	HỌC SINH GIỎI MÔN TOÁN
19	Lý Đặng Thuỳ Dương	7a1	Toán		9.75	5	
20	Nguyễn Thị Thu Huyền	7a1	Toán		9.75	5	
21	Nguyễn Diệu Linh	7a1	Toán		9.50	7	
22	Nguyễn Thị Thanh Xuân	7a1	Toán		9.00	8	
23	Thái Ngọc Hà Minh	7a1	Toán		8.75	9	

24	Vương Thu Huyền	7a1	Toán		7.00	10	
25	Phạm Lương Bằng	7a1	Toán		6.75	11	
26	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	7a1	Toán		6.50	12	
27	Trần Bá Gia Bảo	7a2	Toán		6.25	13	
28	Diệp Khánh Duy	7A1	Toán		6.00	14	
29	Nguyễn Tấn Phát	7a2	Toán		5.75	15	
30	Doãn Văn Linh	7a1	Toán		5.50	16	
31	Đoàn Thị Trúc Linh	7a2	Toán		5.00	17	
32	Võ Nguyễn Trâm Anh	7a1	Toán		4.75	18	
33	Nông Hoàng Long	7a1	Toán		4.75	18	
34	Nguyễn Thị Thanh Chúc	7a3	Toán		4.50	19	
35	Nguyễn Lê Quỳnh Như	8A1	Toán		15.00	1	HỌC SINH GIỎI MÔN TOÁN
36	Nguyễn Bảo Ngọc	8a5	Toán		9.00	2	
37	Nguyễn Hải Vân	8a1	Toán		8.25	3	
38	Phạm Nguyễn Bảo Hoà	8a1	Toán		8.00	4	
39	Lê Hoàn	8A1	Toán		5.00	5	
40	Nguyễn Lâm Hà My	8A1	Toán		3.00	6	
41	Lý Hoàng Thiên	8a1	Toán		2.00	7	
42	Đặng Minh Khôi	8a1	Toán		1.75	8	
43	Dương Đức Thanh Tú	8A1	Toán		1.25	9	
44	Võ Anh Thư	6A1	KHTN		14.00	1	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN
45	Nguyễn Thị Lê Na	6A1	KHTN		13.50	2	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN
46	Bàng Thị Yến Nhi	6A3	KHTN		13.00	3	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN
47	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	6a4	KHTN		13.00	3	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN
48	Nguyễn Thị Huyền Trang	6A1	KHTN		11.50	5	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN
49	Trần Huỳnh Uyển Nhi	6A1	KHTN		10.50	6	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN
50	Trần Võ Đức Huy	6A1	KHTN		10.50	6	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN
51	Vũ Phạm Anh Thư	6A1	KHTN		9.50	8	
52	Hoàng Trường Bích Châm	6a4	KHTN		9.50	8	
53	Nguyễn Minh Quân	6a4	KHTN		9.50	8	

54	Vũ Trọng Tấn	6A1	KHTN		8.50	11	
55	Vương Quốc Việt	6A1	KHTN		8.50	11	
56	Nguyễn Phạm Trà My	6A1	KHTN		8.50	11	
57	Khổng Trọng Hưng	6A1	KHTN		8.00	14	
58	Nguyễn Văn Quân	6A1	KHTN		8.00	14	
59	Nguyễn Thị An Nhiên	6A1	KHTN		7.50	16	
60	Vũ An Khang	6A1	KHTN		6.00	17	
61	Võ Tiến Phát	6A1	KHTN		5.50	18	
62	Vương Thu Huyền	7a1	KHTN		16.50	1	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN
63	Trần Thị Ngọc Anh	7a1	KHTN		14.00	2	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN
64	Bùi Vũ Thiên An	7A1	KHTN		13.50	3	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN
65	Nguyễn Thị Thu Huyền	7A1	KHTN		12.25	4	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN
66	Thái Ngọc Hà Minh	7a1	KHTN		11.25	5	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN
67	Võ Nguyễn Trâm Anh	7a1	KHTN		11.00	6	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN
68	Nông Hoàng Long	7a1	KHTN		10.50	7	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN
69	Lý Đặng Thuỳ Dương	7a1	KHTN		10.50	7	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN
70	Hoàng Đình Gia Huy	7a1	KHTN		10.50	7	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN
71	Hoàng Gia Bảo	7a1	KHTN		10.25	10	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN
72	Phạm Xuân Quang	7a1	KHTN		10.00	11	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN
73	Phạm Tiến Dũng	7a1	KHTN		9.50	12	
74	Nguyễn Như Quỳnh	7a1	KHTN		8.50	13	
75	Đoàn Thị Trúc Linh	7a2	KHTN		8.50	13	
76	Phạm Trần Tiến Đạt	7a3	KHTN		8.00	15	
77	Nguyễn Tấn Phát	7a2	KHTN		8.00	15	
78	Trần Bá Gia Bảo	7a2	KHTN		6.00	17	
79	Lê Tiến Phát	7a4	KHTN		5.50	18	
80	Bế Bảo Ngọc	7a1	KHTN		5.00	19	
81	Nguyễn Thị Lan Hương	7a3	KHTN		4.50	20	
82	Nguyễn Thị Thanh Loan	7a3	KHTN		4.50	20	
83	Nguyễn Linh An	7a3	KHTN		3.75	22	

84	Trần Thị Anh Thư	7a5	KHTN		3.50	23	
85	Trần Nhật Long	7a4	KHTN		3.00	24	
86	Hoàng Thị Mỹ Dung	7a3	KHTN		2.75	25	
87	Hoàng Thị Duyên	7a3	KHTN		2.50	26	
88	Phạm Nguyễn Bảo Hoà	8A1	KHTN	Hoá	13.00	1	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN (PHÂN MÔN HÓA HỌC)
89	Nguyễn Hải Vân	8A1	KHTN	Hoá	12.25	2	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN (PHÂN MÔN HÓA HỌC)
90	Mai Thị Yến Nhi	8A1	KHTN	Sinh	12.00	3	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN (PHÂN MÔN SINH HỌC)
91	Nguyễn Ngọc Tố Nguyên	8a1	KHTN	Vật lý	11.25	4	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN (PHÂN MÔN VẬT LÝ)
92	Đỗ Thục Quyên	8A1	KHTN	Hoá	10.25	5	HỌC SINH GIỎI MÔN KHTN (PHÂN MÔN HÓA HỌC)
93	Đặng Anh Thư	8a1	KHTN	Sinh	9.00	6	
94	Nguyễn Trà Lâm	8A1	KHTN	Hoá	5.75	7	
95	Nguyễn Hoàng Bảo An	6a1	Ngữ văn		14.25	1	HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN
96	Vũ Ngọc Ánh	6a1	Ngữ văn		13.50	2	HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN
97	Võ Anh Thư	6a1	Ngữ văn		12.00	3	HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN
98	Trần Diệu An	6a1	Ngữ văn		11.25	4	HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN
99	Nguyễn Nông Ngọc Diễm	6A5	Ngữ văn		11.00	5	HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN
100	Triệu Thị Thanh Loan	6A4	Ngữ văn		10.50	6	HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN
101	Trần Nguyễn Bảo Duyên	6a1	Ngữ văn		10.25	7	HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN
102	Nguyễn Văn Quân	6a1	Ngữ văn		9.25	8	
103	Trần Thị Cẩm Tiên	6A5	Ngữ văn		9.25	8	
104	Hoàng Thị Bích Hảo	6A4	Ngữ văn		9.00	10	
105	Trần Hoài Diệu	6A3	Ngữ văn		7.00	11	
106	Đào Khánh Ngọc	6a1	Ngữ văn		6.50	12	
107	Hoàng Thị Mỹ Duyên	6A5	Ngữ văn		6.50	12	
108	Nguyễn Thị Anh Thư	6A3	Ngữ văn		6.00	14	
109	Bùi Vũ Thiên An	7A1	Ngữ văn		10.50	1	HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN
110	Bế Bảo Ngọc	7A1	Ngữ văn		10.25	2	HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN
111	Nguyễn Bảo Chinh	7a3	Ngữ văn		9.50	3	
112	Nguyễn Thị Thanh Chúc	7a3	Ngữ văn		9.50	3	
113	Nguyễn Như Quỳnh	7A1	Ngữ văn		9.25	5	

114	Bùi Vũ Bảo An	7A1	Ngữ văn		9.00	6	
115	Hoàng Kiều Thương	7A1	Ngữ văn		9.00	6	
116	Đoàn Thị Quỳnh Trinh	7A1	Ngữ văn		9.00	6	
117	Trần Thị Ngọc Anh	7A1	Ngữ văn		8.75	9	
118	Nguyễn Linh An	7a3	Ngữ văn		8.75	9	
119	Nguyễn Thị Lan Hương	7a3	Ngữ văn		7.75	11	
120	Vũ Thị Anh Thư	7a4	Ngữ văn		7.50	12	
121	Hoàng Thị Duyên	7A3	Ngữ văn		7.25	13	
122	Triệu Thị Thu Huyền	7A1	Ngữ văn		6.75	14	
123	Triệu Hà Vy	7a4	Ngữ văn		6.00	15	
124	H' Oel Hra	7A1	Ngữ văn		5.50	16	
125	Lê Thanh Nhật	7a4	Ngữ văn		5.50	16	
126	Nguyễn Thị Thanh Loan	7a3	Ngữ văn		5.00	18	
127	Lương Thị Thu Thủy	7a4	Ngữ văn		4.50	19	
128	Nguyễn Hoàng Diệu	7a5	Ngữ văn		3.50	20	
129	Nguyễn Thị Thu Hiền	7a4	Ngữ văn		3.00	21	
130	Cà Thị Yến Nhi	8A3	Ngữ văn		12.50	1	HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN
131	Nguyễn Ngọc Tố Nguyên	8A1	Ngữ văn		10.00	2	HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN
132	Võ Tuyết Nhi	8a5	Ngữ văn		6.50	3	
133	Long Thúy Loan	8a2	Ngữ văn		6.00	4	
134	Nguyễn Thị Thu Dung	8A1	Ngữ văn		5.00	5	
135	Nông Hoàng Hà	8a2	Ngữ văn		5.00	5	
136	H Long Nữ ÊBan	8a5	Ngữ văn		5.00	5	
137	Bùi Như Hào	8a2	Ngữ văn		4.50	8	
138	Vũ Thị Minh Anh	8A1	Ngữ văn		4.25	9	
139	Bàn Ngọc Nhi	8a5	Ngữ văn		3.50	10	
140	Nguyễn Phương Thảo	8a5	Ngữ văn		3.50	10	
141	Khổng Trọng Nghĩa	6a1	LS&ĐL	sử	10.75	1	HỌC SINH GIỎI MÔN LS&ĐL
142	Võ Tiến Phát	6a1	LS&ĐL	sử	7.50	2	
143	Vũ An Khang	6a1	LS&ĐL	sử	7.25	3	

144	Vũ Ngọc Ánh	6a1	LS&ĐL	Địa	4.00	4	
145	Đào Khánh Ngọc	6a1	LS&ĐL	Địa	3.00	5	
146	Vương Quốc Việt	6a1	LS&ĐL	Địa	3.00	5	
147	Trần Nguyễn Bảo Duyên	6a1	LS&ĐL	sử	3.00	5	
148	Đào Bàn Hoàng Long	6A3	LS&ĐL	Địa	3.00	5	
149	Phạm Lương Bằng	7A1	LS&ĐL	Địa	13.25	1	HỌC SINH GIỎI MÔN LS&ĐL
150	Đinh Thành Long	7A1	LS&ĐL	Địa	10.00	2	HỌC SINH GIỎI MÔN LS&ĐL
151	Phạm Quý Trọng	7A1	LS&ĐL	Sử	6.25	3	
152	Đặng Hoàng Thanh Hà	7a2	LS&ĐL	sử	5.75	4	
153	Lê Bảo Anh	7A1	LS&ĐL	Sử	5.50	5	
154	Lâm Chí Vĩ	7a2	LS&ĐL	Sử	5.50	5	
155	Đoàn Thị Quỳnh Trinh	7A1	LS&ĐL	Sử	5.00	7	
156	H'Tina Bkrông	7A1	LS&ĐL	Sử	5.00	7	
157	Hoàng Kiều Thương	7A1	LS&ĐL	Sử	4.50	9	
158	Lại Hoàng Long	7A1	LS&ĐL	Sử	4.25	10	
159	Bùi Bảo Hoàng	7A1	LS&ĐL	Sử	3.75	11	
160	Nguyễn Thị Thanh Xuân	7A1	LS&ĐL	Sử	3.75	11	
161	Đàm Vi Mai Lan	7A1	LS&ĐL	Sử	2.50	13	
162	Hoàng Minh Phú	7A1	LS&ĐL	Sử	2.50	13	
163	Diệp Khánh Duy	7A1	LS&ĐL	Sử	1.50	15	
164	Hân Knul	8a4	LS&ĐL	Sử	15.25	1	HỌC SINH GIỎI MÔN LS&ĐL (PHÂN MÔN LỊCH SỬ)
165	Lâm Hoàng Tường Vy	8a3	LS&ĐL	Sử	15.00	2	HỌC SINH GIỎI MÔN LS&ĐL (PHÂN MÔN LỊCH SỬ)
166	Đặng Anh Thư	8A1	LS&ĐL	Sử	14.75	3	HỌC SINH GIỎI MÔN LS&ĐL (PHÂN MÔN LỊCH SỬ)
167	Lý Hoàng Thiên	8A1	LS&ĐL	Sử	14.00	4	HỌC SINH GIỎI MÔN LS&ĐL (PHÂN MÔN LỊCH SỬ)
168	Đặng Thị Hoài Ngân	8A1	LS&ĐL	Sử	13.75	5	HỌC SINH GIỎI MÔN LS&ĐL (PHÂN MÔN LỊCH SỬ)
169	Hoàng Hữu Phước	8a5	LS&ĐL	Sử	12.25	6	HỌC SINH GIỎI MÔN LS&ĐL (PHÂN MÔN LỊCH SỬ)
170	Đỗ Phương Thảo	8a4	LS&ĐL	Sử	10.75	7	HỌC SINH GIỎI MÔN LS&ĐL (PHÂN MÔN LỊCH SỬ)
171	Nông Thị Huyền Trang	8a4	LS&ĐL	Sử	10.50	8	HỌC SINH GIỎI MÔN LS&ĐL (PHÂN MÔN LỊCH SỬ)
172	Đàm Đức Tôn	8A1	LS&ĐL	Sử	9.50	9	
173	Đặng Minh Khôi	8A1	LS&ĐL	Sử	9.00	10	

174	Dương Đức Thanh Tú	8A1	LS&ĐL	Sử	7.00	11	
175	Lê Thị Thu Thủy	8a4	LS&ĐL	Sử	6.00	12	
176	Đặng Thị Thùy Trâm	8a3	LS&ĐL	Sử	4.00	13	
177	Nguyễn Hoàng Dương	8a3	LS&ĐL	Sử	1.00	14	
178	Lãnh Hoàng Huy	8a3	LS&ĐL	Sử	1.00	14	
179	Vi Thị Thanh Mai	8a3	LS&ĐL	Sử	1.00	14	
180	HLong Nữ ÊBan	8a5	LS&ĐL	Địa	14.00	1	HỌC SINH GIỎI MÔN LS&ĐL (PHÂN MÔN ĐỊA LÍ)
181	Đặng Thị Hoài Ngân	8A1	LS&ĐL	Địa	13.25	2	HỌC SINH GIỎI MÔN LS&ĐL (PHÂN MÔN ĐỊA LÍ)
182	Cà Thị Yến Nhi	8a3	LS&ĐL	Địa	11.75	3	HỌC SINH GIỎI MÔN LS&ĐL (PHÂN MÔN ĐỊA LÍ)
183	Mai Thị Yến Nhi	8A1	LS&ĐL	Địa	8.00	4	
184	Nguyễn Bảo Ngọc	8a5	LS&ĐL	Địa	7.50	5	
185	Nguyễn Thị Quỳnh Thư	8A1	LS&ĐL	Địa	7.00	6	
186	Phạm Thị Khánh Nhi	8a3	LS&ĐL	Địa	5.50	7	
187	Nguyễn Phương Thảo	8a5	LS&ĐL	Địa	5.50	7	
188	Phạm Vũ Anh Thư	8a4	LS&ĐL	Địa	5.25	9	
189	Nông Thị Thanh Thảo	8a3	LS&ĐL	Địa	4.25	10	
190	Võ Tuyết Nhi	8a5	LS&ĐL	Địa	4.25	10	
191	Đặng Thị Thanh Trúc	8a4	LS&ĐL	Địa	3.00	11	
192	Nguyễn Thị Lê Na	6A1	Anh		16.50	1	HỌC SINH GIỎI MÔN TIẾNG ANH
193	Trần Huỳnh Uyển Nhi	6A1	Anh		15.75	2	HỌC SINH GIỎI MÔN TIẾNG ANH
194	Văn Nhã Uyên	6A1	Anh		15.75	2	HỌC SINH GIỎI MÔN TIẾNG ANH
195	Võ Anh Thư	6A1	Anh		13.00	4	HỌC SINH GIỎI MÔN TIẾNG ANH
196	Phạm Đăng Khoa	6a2	Anh		12.25	5	HỌC SINH GIỎI MÔN TIẾNG ANH
197	Nguyễn Hoàng Bảo An	6A1	Anh		11.25	6	HỌC SINH GIỎI MÔN TIẾNG ANH
198	Lê Thuỳ Linh	6A1	Anh		10.00	7	HỌC SINH GIỎI MÔN TIẾNG ANH
199	Nguyễn Thị Xuân My	6A1	Anh		9.25	8	
200	Nguyễn Diệu Linh	7A1	Anh		17.5	1	HỌC SINH GIỎI MÔN TIẾNG ANH
201	Phạm Bình Minh	7A1	Anh		16	2	HỌC SINH GIỎI MÔN TIẾNG ANH
202	Bùi Vũ Bảo An	7A1	Anh		15	3	HỌC SINH GIỎI MÔN TIẾNG ANH
203	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	7A1	Anh		14	4	HỌC SINH GIỎI MÔN TIẾNG ANH

204	Phạm Trần Tiến Đạt	7a3	Anh		13.5	5	HỌC SINH GIỎI MÔN TIẾNG ANH
205	Lê Bảo Anh	7A1	Anh		12.5	6	HỌC SINH GIỎI MÔN TIẾNG ANH
206	Nguyễn Bảo Huy	7A1	Anh		11.5	7	HỌC SINH GIỎI MÔN TIẾNG ANH
207	Bùi Bảo Hoàng	7a5	Anh		9.5	8	
208	Nguyễn Lê Quỳnh Như	8A1	Anh		13.00	1	HỌC SINH GIỎI MÔN TIẾNG ANH
209	Nguyễn Lâm Hà My	8A1	Anh		10.50	2	HỌC SINH GIỎI MÔN TIẾNG ANH
210	Lê Hoàn	8A1	Anh		8.00	3	
211	Nguyễn Trà Lâm	8a1	Anh		7.25	4	
212	Nguyễn Thị Quỳnh Thu	8A1	Anh		5.00	5	

Danh sách có 212 thí sinh./.

ĐẮk Wil, ngày 18 tháng 3 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI